

BỘ Y TẾ

NHÃN KHOA

SÁCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ ĐA KHOA

Mã số: Đ.01.Z.23

Chủ biên: PGS.TS. HOÀNG NGỌC CHƯƠNG
(Tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa)

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
HÀ NỘI - 2016

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN:

Vụ Khoa học & Đào tạo, Bộ Y tế

CHỦ BIÊN:

PGS.TS. Hoàng Ngọc Chương

NHỮNG NGƯỜI BIÊN SOẠN:

1. PGS.TS. Phan Văn Năm
2. ThS. BSKII. Nguyễn Thị Thu
3. BS. Lê Viết Mẫn
4. BS. Trần Đình Lập

HIỆU ĐÍNH :

1. PGS.TS. Hoàng Ngọc Chương
2. ThS.BS. Nguyễn Thị Thu

THƯ KÝ BIÊN SOẠN :

ThS.BS. Nguyễn Thị Thu

THAM GIA TỔ CHỨC BẢN THẢO:

ThS. Phí Văn Tâm
TS. Nguyễn Mạnh Pha

© Bản quyền thuộc Bộ Y tế (Vụ Khoa học và Đào tạo)

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện một số điều của Luật Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế đã ban hành chương trình khung đào tạo đại học ngành Y tế. Bộ Y tế tổ chức biên soạn tài liệu dạy - học các môn cơ sở, chuyên môn và cơ bản chuyên ngành theo chương trình trên nhằm từng bước xây dựng bộ sách chuẩn trong công tác đào tạo nhân lực y tế.

Sách *Nhãn khoa* được biên soạn dựa trên chương trình giáo dục của Trường Đại học Y Dược Huế trên cơ sở chương trình khung đã được phê duyệt. Sách được các nhà giáo lâu năm và tâm huyết với công tác đào tạo biên soạn theo phương châm: Kiến thức cơ bản, hệ thống; nội dung chính xác, khoa học; cập nhật các tiến bộ khoa học, kỹ thuật hiện đại và thực tiễn Việt Nam. Sách trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản của nhãn khoa như cách khám bệnh nhãn nhằm phát hiện triệu chứng, các xét nghiệm cận lâm sàng, chỉ định và điều trị một số bệnh mắt thường gặp và chuyển kịp thời các bệnh nặng khác lên tuyến chuyên khoa mắt.

Sách *Nhãn khoa* đã được Hội đồng chuyên môn thẩm định sách và tài liệu dạy - học của Bộ Y tế thẩm định vào năm 2007. Bộ Y tế ban hành làm tài liệu dạy - học chính thức của ngành Y tế trong giai đoạn hiện nay. Trong thời gian từ 3 đến 5 năm, sách phải được chỉnh lý, bổ sung và cập nhật.

Bộ Y tế xin chân thành cảm ơn PGS.TS. Hoàng Ngọc Chương và các nhà giáo của Bộ môn Nhãn khoa, Trường Đại học Y Dược Huế đã dành nhiều công sức hoàn thành cuốn sách này, cảm ơn GS.TS. Tôn Thị Kim Thanh, PGS.TS. Lê Minh Thông đã đọc, phản biện để cuốn sách được hoàn chỉnh kịp thời phục vụ cho công tác đào tạo nhân lực y tế.

Vì lần đầu xuất bản, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của đồng nghiệp, các bạn sinh viên và các độc giả để lần xuất bản sau được hoàn thiện hơn.

VỤ KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

LỜI NÓI ĐẦU

Những kiến thức thông thường về chuyên khoa Mắt bắt buộc tất cả mọi thầy thuốc trong tương lai dù ở lĩnh vực chuyên môn nào trong ngành Y khoa cũng đều phải học. Những kiến thức cơ bản đó, trước hết giúp cho các thầy thuốc làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu trong cộng đồng, ngoài ra có thể biết cách khám, điều trị một số bệnh thường gặp và chuyển kịp thời các bệnh nặng khác về tuyến chuyên khoa Mắt.

Được sự giúp đỡ của Phòng Giáo vụ công tác sinh viên Trường Đại học Y Dược Huế, Bộ môn Mắt biên soạn tập Nhân khoa làm tài liệu giảng dạy đào tạo Bác sĩ đa khoa. Sách gồm 30 tiết với các chủ đề và số tiết đã được thống nhất ở Hội nghị liên trường của tất cả 8 trường Đại học Y khoa toàn quốc.

Để thật hoàn hảo về cách biên soạn, chuẩn mực về phương pháp trình bày... làm khuôn mẫu cho mọi bài giảng là vô cùng khó khăn. Chúng tôi sẽ còn phải tiếp tục rút kinh nghiệm sau khi giảng, tiếp thu ý kiến của sinh viên, học hỏi các bộ môn khác trong trường mình và trường bạn để nội dung và phương pháp trình bày bài giảng ngày một tốt hơn.

Tuy chúng tôi đã rất cố gắng nhưng chắc chắn còn nhiều thiếu sót, xin được các các bạn đồng nghiệp trong và ngoài chuyên khoa đóng góp ý kiến xây dựng để lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Huế, 4.2006

Thay mặt ban biên soạn

PGS.TS. HOÀNG NGỌC CHƯƠNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY Y5 ĐA KHOA

Tên môn học: Mắt

Mục tiêu môn học

1. Trình bày được các triệu chứng chính của một số bệnh mắt thường gặp
2. Chẩn đoán được một số bệnh mắt thông thường.
3. Sơ cứu và điều trị được một số bệnh mắt thông thường.
4. Hướng dẫn được chăm sóc mắt ban đầu tại cộng đồng.

Nội dung

STT	Tên bài giảng	Số tiết		Ghi chú
		LT	TH	
1	Giải phẫu và sinh lý cơ quan thị giác	2	4	Ngoài KAS
2	Thị lực và tật khúc xạ	2	4	
3	Viêm kết mạc	2	2	
4	Bệnh mắt hột	2	2	
5	Viêm loét giác mạc	4	4	
6	Viêm màng bồ đào	2	2	
7	Bệnh Glôcôm	3	4	
8	Bệnh đục thể thủy tinh	2	2	
9	Chấn thương mắt	3	4	
10	Bóng mắt	1	2	
11	Chẩn đoán nguyên nhân đỏ mắt	2	4	
12	Chẩn đoán mờ mắt	2	4	
13	Biểu hiện mắt trong một số bệnh toàn thân	3	2	Ngoài KAS

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	3
Lời nói đầu	5
1. Giải phẫu và sinh lý cơ quan thị giác	9
2. Thị lực và tật khúc xạ	18
3. Viêm kết mạc	27
4. Bệnh mắt hột	38
5. Viêm loét giác mạc	48
6. Viêm màng bồ đào	57
7. Bệnh Glôcôm	65
8. Bệnh đục thể thủy tinh	74
9. Chấn thương mắt	85
10. Bỏng mắt	92
11. Chẩn đoán nguyên nhân đỏ mắt	97
12. Chẩn đoán mờ mắt	107
13. Biểu hiện mắt trong một số bệnh toàn thân	118
Tài liệu tham khảo	127

Bài 1

GIẢI PHẪU VÀ SINH LÝ CƠ QUAN THỊ GIÁC

MỤC TIÊU

1. Mô tả được các cấu trúc chính của cơ quan thị giác.
2. Xác định đúng các bộ phận của cơ quan thị giác trên hình vẽ.
3. Nêu được chức năng chủ yếu của các cấu trúc chính của cơ quan thị giác.

1. ĐẠI CƯƠNG

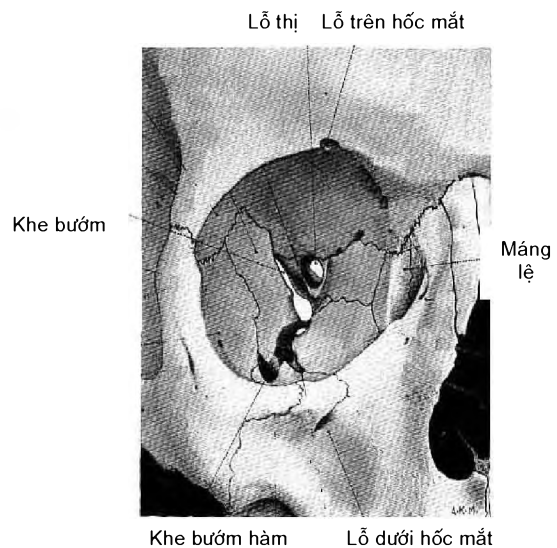
Cơ quan thị giác là giác quan giúp cho ta nhận thức được thế giới bên ngoài thông qua các kích thích ánh sáng dưới dạng hình ảnh và màu sắc. Cơ quan thị giác gồm có 3 phần:

- Các bộ phận phụ của mắt: Hốc mắt, Mi mắt và kết mạc, Lệ bộ.
- Nhãn cầu
- Đường thị giác

2. CÁC BỘ PHẬN PHỤ CỦA MẮT

2.1. Hốc mắt (ổ mắt)

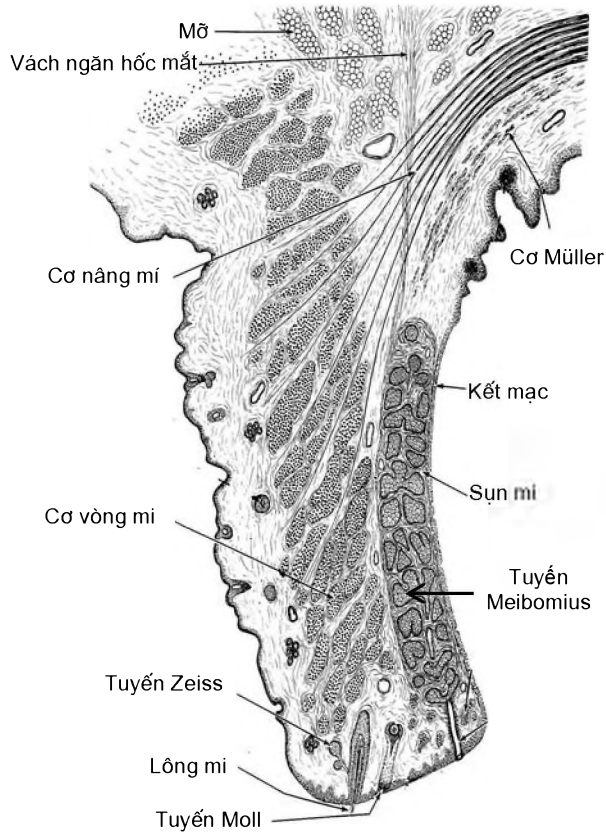
- Nhãn cầu nằm trong hốc mắt. Hốc mắt có 4 thành xương giới hạn. Thành trên tiếp giáp với thùy trán của não. Phần trong của thành trên có xoang trán. Thành dưới có xoang hàm. Thành trong có xoang sàng, xoang bướm. Mối quan hệ giữa các thành xương với các xoang có ý nghĩa lớn trong bệnh học của hốc mắt.
- Ngoài ra, hốc mắt còn thông với tầng giữa nên sọ qua lỗ thị giác và khe bướm (khe ổ mắt trên), hố chân bướm hàm qua khe bướm hàm (khe ổ



Hình 1.1. Hốc mắt

mắt dưới), hốc mũi qua ống lệ mũi. Trong lỗ thị giác có dây thần kinh thị giác và động mạch mắt. Đi qua khe bướm có các dây thần kinh vận động và cảm giác của nhãn cầu (dây thần kinh III, IV, V, VI) đi qua.

- Hốc mắt che kín một phần nhãn cầu và bảo vệ nhãn cầu. Trong hốc mắt nhãn cầu được giữ nguyên tại vị trí do các cơ vận nhãn, dây thần kinh thị giác, mỡ hốc mắt bao quanh và 2 mí mắt ở phía trước.
- Mỗi mắt có 6 cơ vận nhãn gồm 4 cơ thẳng và 2 cơ chéo:
 - + Cơ thẳng ngoài đưa mắt ra ngoài.
 - + Cơ thẳng trong đưa mắt vào trong.
 - + Cơ thẳng trên và cơ chéo bé đưa mắt lên trên.
 - + Cơ thẳng dưới và cơ chéo lớn đưa mắt xuống dưới.



Hình 1.2. Mí mắt

2.2. Mí mắt và kết mạc

Mỗi mắt có 2 mí mắt: mí trên và mí dưới giao nhau ở hai khõe mắt trong và ngoài, giới hạn ở giữa là khe mí. Bờ tự do của mỗi mí mắt có từ 1 đến 2 hàng lông mi, cùng các tuyến Moll và Zeiss.

2.2.1 Mí mắt: cấu tạo từ trước ra sau gồm có:

- Lớp da: mịn màng nhưng tổ chức dưới da lỏng lẻo nên dễ phù.
- Lớp cơ: gồm có:
 - + Cơ vòng mí: phụ trách nhắm mắt, do dây VII chi phối.
 - + Cơ nâng mí: phụ trách mở mắt, do dây III chi phối.
 - + Cơ Müller: phụ trách trương lực của mí mắt và do hệ giao cảm chi phối.
- Lớp sụn: là mô xơ dày, chứa nhiều tuyến Meibomius.

2.2.2 Kết mạc: là một màng mỏng, trong suốt, chứa tổ chức bạch huyết và các tuyến nước mắt phụ . Người ta phân biệt:

- Kết mạc nhãn: phủ mặt trước nhãn cầu trừ giác mạc.
- Kết mạc mí: phủ mặt sau mí mắt.
- Kết mạc cùng đồ: là nơi chuyển tiếp của hai loại kết mạc trên.
- Chức năng của mí mắt và kết mạc là che phủ và bảo vệ phần trước nhãn cầu nhờ động tác chớp mắt theo ý muốn hoặc theo phản xạ. Mí mắt tạo ra sự thấm ướt và dàn đều lớp màng nước mắt trên mặt giác mạc, che bớt ánh sáng quá mạnh. Mí trên cơ động hơn mí dưới, khi nhắm lại thì che kín hoàn toàn giác mạc.

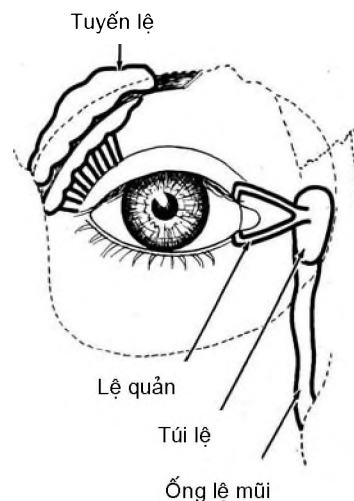
2.3. Lệ bộ

2.3.1. Tuyến lệ

- Tuyến lệ chính: nằm trong hố lệ, ở góc trên ngoài hốc mắt.
- Các tuyến lệ phụ nằm rải rác ở kết mạc, có loại tiết nước mắt, có loại tiết nhầy. Nước mắt bảo vệ cho kết, giác mạc khỏi bị khô và có tính chất sát trùng nhẹ, nhờ có chứa lysozym.

2.3.2. Lệ đạo

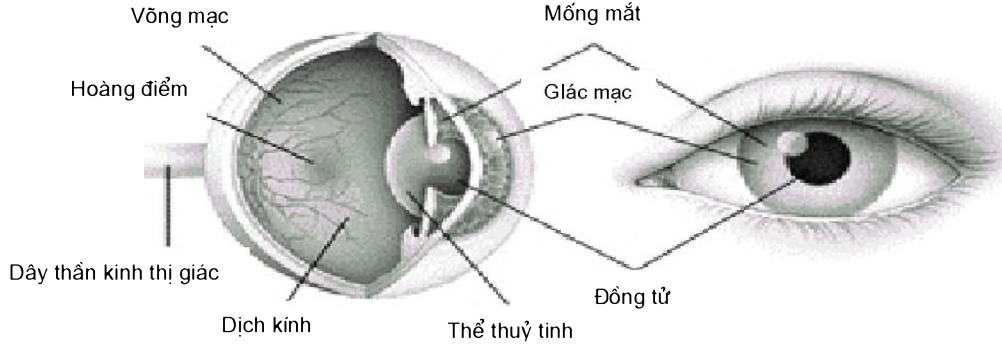
Nước mắt sau khi được dàn đều trên kết mạc và giác mạc sẽ tập trung ở hồ lệ (khóe trong mắt) trước khi vào các lỗ lệ trên và dưới (nằm ở bờ mí, gần khóe trong) rồi đi theo các lệ quản đổ vào túi lệ; sau đó nước mắt sẽ theo ống lệ mũi để đào thải ở hốc mũi.



Hình 1.3. Lệ bộ

3. NHÃN CẦU

Nhãn cầu có dạng hình cầu, đường kính trước sau khoảng 23mm, thể tích chừng 6,5ml. Nhãn cầu có vỏ bọc gồm 3 lớp: củng - giác mạc, màng bồ đào và võng mạc; bên trong chứa các môi trường trong suốt: thủy dịch, thể thủy tinh và dịch kính.



Hình 1.4. Nhãn cầu

3.1. Vỏ nhãn cầu

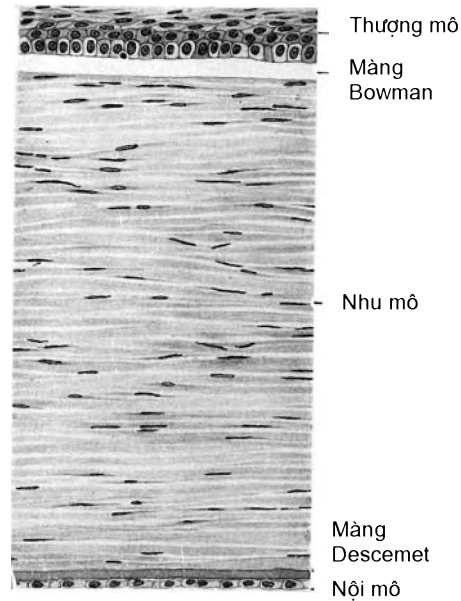
Gồm 3 lớp: lớp xơ (củng - giác mạc), lớp mạch (màng bồ đào) và lớp thần kinh (võng mạc).

3.1.1. Lớp xơ

3.1.1.1. Củng mạc: củng mạc là lớp vỏ xơ rất dai, dày khoảng 1mm, màu trắng, có ít mạch máu, chiếm 4/5 sau, nối tiếp với giác mạc phía trước. Củng mạc được cấu tạo bởi các sợi collagen sắp xếp không đều, có nhiệm vụ bảo vệ nhãn cầu.

3.1.1.2. Giác mạc: là một chỏm cầu trong suốt, không có mạch máu và phong phú về thần kinh. Giác mạc chiếm 1/5 trước, dày 0,5 đến 1mm, đường kính ngang khoảng 12mm. Từ trước ra sau, giác mạc gồm các lớp:

- Thượng mô: gồm nhiều lớp tế bào, được tái tạo thường xuyên. Bề mặt luôn được phủ bởi một lớp phim nước mắt mỏng.
- Màng Bowman: do nhu mô đặc lại tạo thành, khi tổn thương sẽ để lại sẹo.
- Nhu mô: lớp dày nhất, chiếm 90% bề dày của giác mạc, được cấu tạo bởi những lá mỏng sợi collagen sắp xếp rất đều đặn và song song với bề mặt giác mạc.
- Màng Descemet được tổng hợp và phục hồi bởi nội mô giác mạc.
- Nội mô: chỉ có một lớp tế bào dẹt, mật độ khoảng $2500/\text{mm}^2$ ở người trẻ. Số lượng tế bào giảm dần theo tuổi và không được tái sinh. Nhờ hoạt động như một cái bơm, nội mô bảo đảm sự trong suốt của giác mạc.

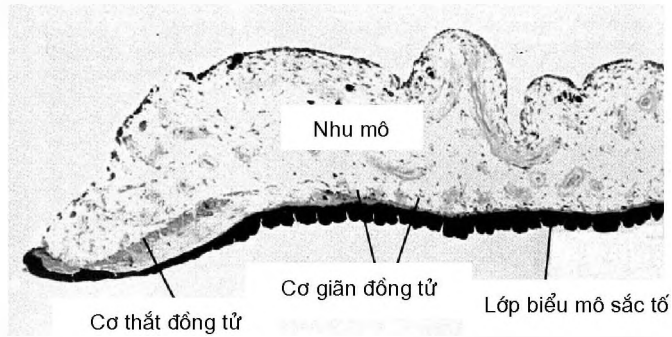


Hình 1.5. Giác mạc

Phân bố thần kinh cho giác mạc là nhánh mắt của dây thần kinh sinh ba (V1). Về mặt chức năng, giác mạc được xem như là một thấu kính hội tụ có công suất khoảng 45 đi - ốp.

3.1.1.3. Vùng rìa: là một vùng trung gian rộng chừng 1-2mm giữa củng mạc và giác mạc. Vùng này rất quan trọng vì chứa hệ thống thoát thủy dịch. Ngoài ra các đường rạch trong phẫu thuật nội nhãn thường được thực hiện ở vùng này.

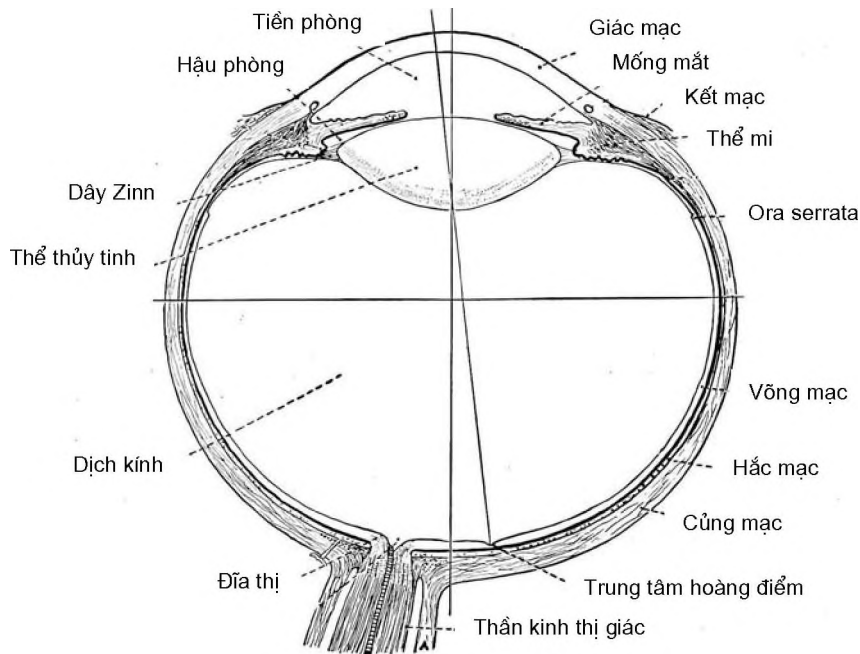
3.1.2. Lớp mạc: từ trước ra sau gồm có mống mắt, thể mi và hắc mạc.



Hình 1.6. Mống mắt

3.1.2.1. Mống mắt

- Nằm trước thể thủy tinh, có hình vành khăn, giới hạn một lỗ tròn ở giữa, đường kính khoảng 3mm gọi là đồng tử. Mống mắt được cấu tạo bởi lớp nhu mô ở phía trước và lớp tế bào sắc tố ở phía sau. Trong mống mắt có hai cơ trơn:
 - + Cơ thắt đồng tử: hình vòng, chi phối bởi hệ thần kinh phó giao cảm.
 - + Cơ giãn đồng tử: hình nan hoa, chi phối bởi hệ thần kinh giao cảm.
- Chức năng của mống mắt là điều chỉnh lượng ánh sáng vào võng mạc nhờ sự hoạt động một cách phản xạ của hai cơ trơn nói trên.



Hình 1.7. Nhãn cầu (cắt ngang)

3.1.2.2. *Thể mi*

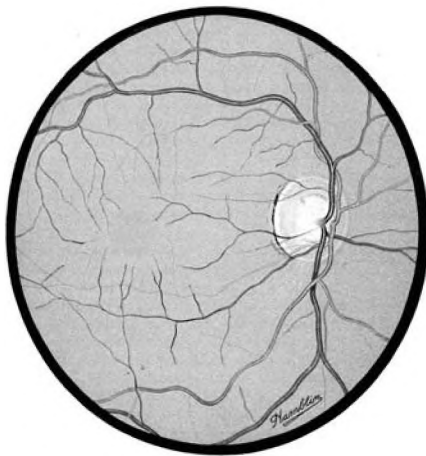
- Là chỗ dày nhất của lớp mạc, nối tiếp giữa mống mắt và hắc mạc. Thể mi được cấu tạo bởi:
 - + Nhu mô chứa nhiều mạch máu, sợi thần kinh và các cơ thể mi.
 - + Thượng mô chia ra hai vùng: vùng phẳng (*pars plana*) rộng khoảng 4mm, phía sau được giới hạn bởi miệng thất (*ora serrata*). Vùng nếp mi (*pars plicata*) rộng khoảng 2mm và nằm ở phía trước. Vùng này có khoảng 60 đến 70 nếp mi.
- Chức năng của thể mi là tiết thủy dịch và góp phần điều tiết để nhìn gần.

3.1.2.3. *Hắc mạc*: là một mô liên kết giàu mạch máu và sắc tố, nằm giữa củng mạc và võng mạc, tương ứng với màng bồ đào sau. Chức năng của hắc mạc là tạo buồng tối và nuôi dưỡng 1/2 ngoài của võng mạc.

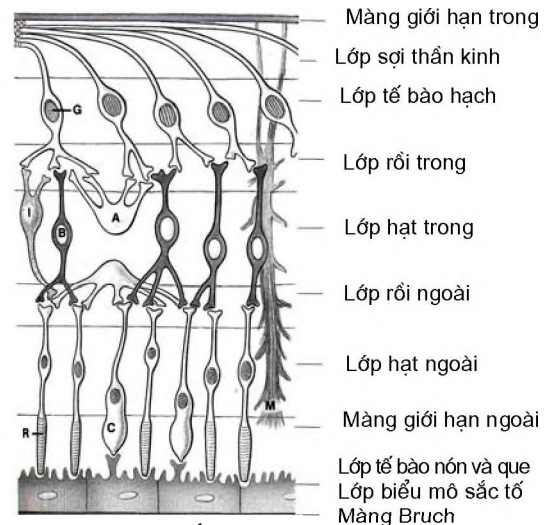
3.1.3. Lớp thần kinh: được gọi là võng mạc, mặt ngoài áp sát hắc mạc, mặt trong có thể phân biệt:

3.1.3.1. *Vùng hoàng điểm (Macula lutea)* là vùng võng mạc trung tâm có hình bầu dục, đường kính ngang khoảng 6mm. Ở giữa là hố trung tâm (*fovea centralis*) có đường kính khoảng 1,5mm. Ngay chính giữa là trung tâm hoàng điểm (*foveola*) chỉ chứa toàn tế bào nón nên có thị lực tốt nhất.

3.1.3.2. *Đĩa thị (gai thị)* nằm cách hoàng điểm 3mm về phía mũi, chứa các sợi thần kinh nhưng không có tế bào nón hoặc que, tương ứng với điểm mù trên thị trường. Đĩa thị có hình tròn hoặc bầu dục, đường kính khoảng 1,5mm. Các mạch máu trung tâm võng mạc xuất hiện ở đĩa thị và phân bố các nhánh để nuôi dưỡng 1/2 trong của võng mạc.



Hình 1.8. Võng mạc



Hình 1.9. Cấu tạo võng mạc

3.1.3.3. *Miêng thất (Ora serrata)* là giới hạn phía trước của võng mạc.

- Về mặt cấu tạo, võng mạc được chia thành 10 lớp. Lớp ngoài cùng là lớp biểu mô sắc tố; 9 lớp trong chứa 3 lớp neuron: tế bào nón và que, tế bào lưỡng cực, tế bào hạch. Các sợi trục của tế bào hạch quy tụ về đĩa thị để tạo thành dây thần kinh thị giác.
- Chức năng của võng mạc là biến đổi các kích thích ánh sáng thành các xung điện nhờ phản ứng quang hóa học và sự hiện diện của các sắc tố thị giác (Rhodopsin, Iodopsin) ở tế bào nón và que. Các xung điện này sẽ được khuếch đại và dẫn truyền lên trung khu thị giác.

3.2. Các môi trường trong suốt: Từ sau ra trước gồm có:

3.2.1. Dịch kính: Khoảng dịch kính được giới hạn ở phía trước bởi thể thủy tinh và các dây treo Zinn, ở phía sau là võng mạc. Trong khoang chứa dịch kính, là một chất gel nhầy gần như không có tế bào. Dịch kính được giới hạn phía trước và phía sau bởi các màng dịch kính trước và sau, màng này được tạo nên do sự đông đặc dịch kính ở mặt ngoài. Giữa dịch kính và võng mạc có những chỗ dính chặt, nhất là ở nền dịch kính (vùng phẳng của thể mi), quanh gai thị và vùng hoàng điểm.

3.2.2. Thể thủy tinh: Thể thủy tinh là một thấu kính trong suốt, hai mặt lồi, không có mạch máu, nằm sau mống mắt và trước dịch kính. Đường kính ngang khoảng 9mm, dày khoảng 4mm.

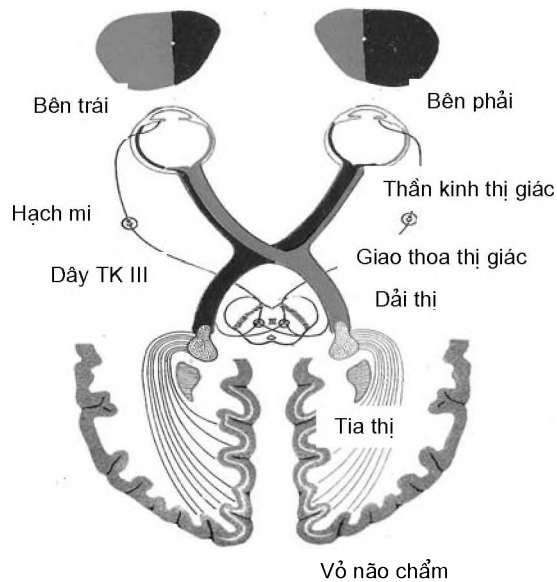
- Thể thủy tinh được treo cân đối bởi các sợi Zinn chạy từ thể mi đến xích đạo thể thủy tinh. Ở người trẻ, bao sau thể thủy tinh thường dính chặt với mặt trước dịch kính.
- Từ trung tâm ra ngoại vi, thể thủy tinh gồm:
 - + Nhân thể thủy tinh.
 - + Các sợi thể thủy tinh hoặc lớp vỏ (liên tục được nhân lên, làm cho kích thước thể thủy tinh càng ngày càng lớn thêm).
 - + Bao thể thủy tinh, gồm bao trước và bao sau.
- Chức năng của thể thủy tinh là một thấu kính hội tụ có công suất khoảng 20 đi-ốp và tham gia điều tiết để nhìn gần. Đặc điểm chủ yếu của thể thủy tinh là có thể thay đổi bán kính độ cong khi điều tiết, nhờ đó mà hội tụ được ánh sáng trên võng mạc.

3.2.3. Thủy dịch: Là một chất dịch trong suốt sản xuất bởi thể mi, được chứa trong hậu phòng và tiền phòng.

3.2.3.1. *Hậu phòng:* Giới hạn bởi mống mắt ở trước, dịch kính ở phía sau. Thủy dịch từ hậu phòng sẽ đi ra tiền phòng qua đồng tử.

3.2.3.2. *Tiền phòng*: Giới hạn bởi giác mạc ở trước và mống mắt ở sau. Thủy dịch sau khi ra tiền phòng sẽ tiến đến góc tiền phòng. Ở đây có hệ thống vùng bè gồm nhiều khe nhỏ để thẩm thủy dịch vào ống Schlemm rồi theo các tĩnh mạch nước đỏ về đám rối tĩnh mạch thượng củng mạc.

Sự cân bằng giữa sản xuất thủy dịch của thể mi và thoát thủy dịch ở vùng bè sẽ duy trì nhãn áp ở mức bình thường trong khoảng từ 10 - 20mmHg.



Hình 1.10. Đường dẫn truyền thần kinh thị giác

4. ĐƯỜNG THỊ GIÁC

4.1. Dây thần kinh thị giác

- Được tạo nên bởi sự tập hợp các sợi trục của các tế bào hạch, các sợi trục này chỉ có myelin từ phần ra khỏi nhãn cầu. Dây thần kinh thị giác được mô tả làm 3 phần, từ trước ra sau:
 - + Phần trong hốc mắt: dây thần kinh thị giác đi kèm theo các dây thần kinh và các mạch máu của nhãn cầu.
 - + Phần trong ống thị giác (động mạch mắt nằm bên ngoài dây thần kinh thị giác).
 - + Phần nội sọ (tầng giữa nền sọ).
- Dây thần kinh thị giác được nuôi dưỡng bởi các nhánh của động mạch trung tâm võng mạc, động mạch mắt và động mạch não trước (nuôi dưỡng phần nội sọ).

4.2. Giao thoa thị giác

Tạo nên bởi sự tập hợp 2 dây thần kinh thị giác. Liên quan ở phía dưới với lều tuyến yên. Giao thoa là nơi bắt chéo một phần các sợi thị giác.

4.3. Dải thị giác

Các dải thị giác được tách ra từ sau giao thoa thị giác, sau đó đi vào phần ngoài khe não Bichat ở phía ngoài và sau, tận cùng ở thể gối ngoài sau khi vòng qua cuống não.

4.4. Tia thị giác

Đi từ thể gối ngoài đến vỏ não chẩm. Hình thành hai bó trải ra ở hai bên sừng chẩm của não thất bên:

- Bó trước (faisceau ventral) đi vào thùy thái dương và tận hết ở mép dưới khe chửa.
- Bó sau (faisceau dorsal) tận hết ở mép trên khe chửa

4.5. Vỏ não thị giác

Nằm ở mặt trong thùy chẩm, 2 bên khe chửa gồm có:

- Diện thị giác (diện 17)
- Diện tâm lý - thị giác (diện 18 và 19 d)

TỰ LƯỢNG GIÁ

Câu hỏi trắc nghiệm

1. Mỗi cấu trúc giải phẫu dưới đây tương ứng với số nào được ghi chú trên hình vẽ:

1. Hậu phòng =
2. Thể thủy tinh =
3. Mông mắt =
4. Hoàng điểm =
5. Củng mạc =

2. Ghi chú các cấu trúc đã đánh dấu trên hình vẽ tương ứng với các số sau:

6. Số 1 =
7. Số 2 =
8. Số 3 =
9. Số 4 =
10. Số 5 =

